

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **54/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 02-8-2019

V/v "Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: ông An Bắc Lùng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2019/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “ Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXX - ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H; sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T; sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Đương sự vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2019 và trong quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, có tiền hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 108 ngày 09/12/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn được mặn nồng, chị H và anh T đã sống ly thân hơn một năm nay, chị H nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính đăng ký kết hôn của UBND xã Minh Hưng; Ngoài ra, chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Quá trình thụ lý vụ án, bị đơn anh Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị H có tìm hiểu đến với nhau sau đó hai bên có đi đăng ký hôn tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2014 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn được mặn nồng, anh T và chị H đã sống ly thân hơn một năm nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống. Đối với yêu cầu ly hôn của chị H thì anh T đồng ý.

Về con chung: không có. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì; không có yêu cầu phản tố.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T, anh T có nơi cư trú tại thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ biên bản lời khai chị H và anh T đều thừa nhận anh chị tự nguyện chung sống có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt không còn được mặn nồng, anh chị cũng đã sống ly thân được hơn một năm nay. Trong thời gian sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm chăm sóc lo lắng cho nhau, dẫn đến tình cảm hiện nay không còn, hôn nhân không đạt được mục đích. Như vậy, chị H và anh T đã có sự vi phạm về nghĩa vụ của người vợ, người chồng đối với nhau; cụ thể: không còn sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng không trầm trọng thể hàn gắn, hôn nhân không đạt được mục đích, nay chị H yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn T.

[2]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009303 ngày 10/4/2019.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h. Bù Đăng;
- CC THADS h. Bù Đăng;
- UBND xã (thị trấn);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà